

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 13

Năm báo cáo: 2019

(Thực hiện theo mẫu Phụ lục số 04 kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn Công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán)

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 13**
- Mã số doanh nghiệp: **0100106426**
- Vốn điều lệ: **435.980.320.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **435.980.320.000 đồng**
- Địa chỉ: **Tòa nhà LICOGI 13, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội**
- Số điện thoại: **024-3854 4623** - Số fax: **024-3854 4107**
- Website: **licogi13.com.vn** - Mã cổ phiếu: **LIG**

Quá trình hình thành và phát triển

- *Quá trình hình thành và phát triển:*
- Thành lập: năm 1960 với tiền thân là Công trường cơ giới 57.
- Năm 1980: Xí nghiệp thi công cơ giới số 13.
- Năm 1989: Xí nghiệp Cơ giới và Xây lắp số 13 trực thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp thi công cơ giới.
- Năm 1996: Công ty Cơ giới và Xây lắp số 13 trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng.
- Năm 2005: Chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 2088/QĐ-BXD ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.
- *Các sự kiện khác:*
- Ngày 25/02/2008: Công ty Cổ phần LICOGI 13 trở thành Công ty đại chúng với vốn điều lệ 60.000.000.000 VNĐ.
- Ngày 30/3/2010: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) có Quyết định số 179/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết 6.000.000 cổ phiếu của LICOGI 13 tại sàn HNX.
- Ngày 22/4/2010: Ngày đầu tiên cổ phiếu niêm yết với mã chứng khoán LIG thực hiện giao dịch trên sàn HNX.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính (các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất): Thi công xây lắp bằng cơ giới: mặt bằng, nền móng và hạ tầng kỹ thuật các loại công trình dân dụng, công nghiệp, công cộng, thủy lợi, giao thông khu đô thị, khu công nghiệp; Đầu tư kinh doanh bất động sản; Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất truyền tải và phân phối điện; Bán buôn nhiên liệu rắn lỏng khí và các sản phẩm liên quan... và một số ngành nghề khác.

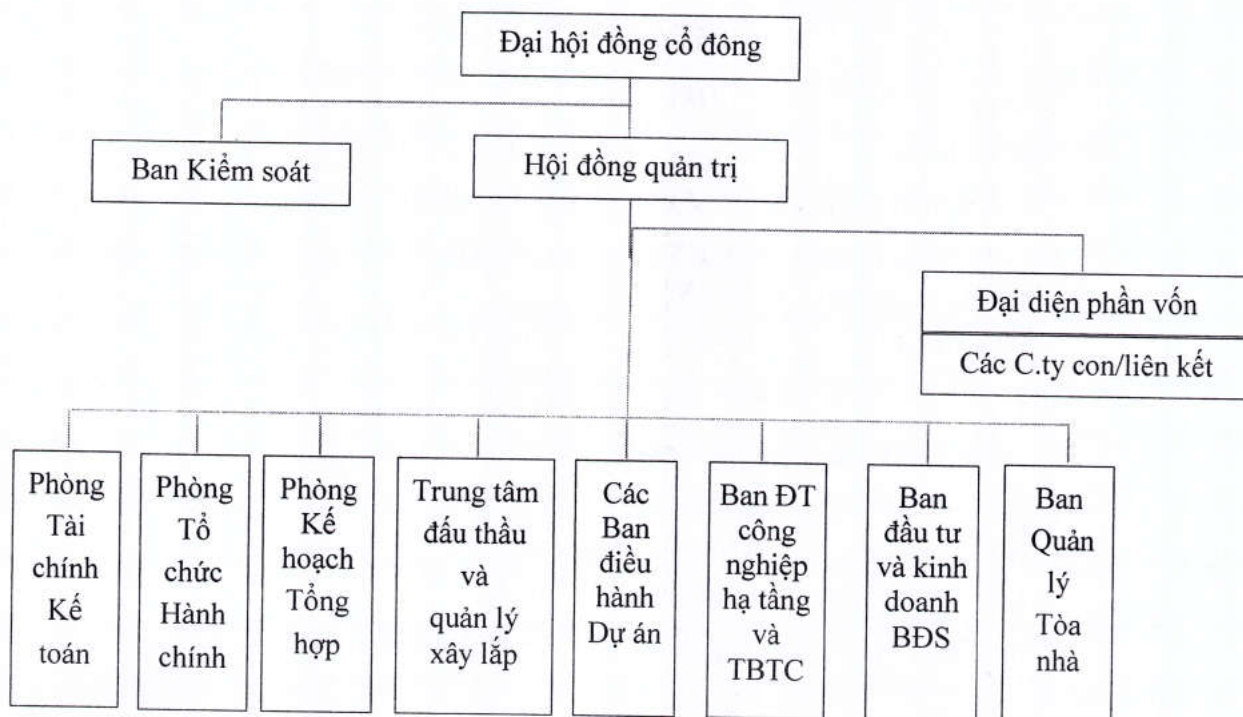
L
C
1

- Địa bàn kinh doanh tại nhiều tỉnh, thành phố (các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất): Hà Nội, Quảng Ninh; Hà Giang, Sơn La, Thái Nguyên, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Đà Nẵng; Thành phố Hồ Chí Minh...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị:** Theo hình thức **Công ty Cổ phần** tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; Điều lệ và các Quy chế quản trị nội bộ.

- **Cơ cấu tổ chức:**



- Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Đơn vị	Địa chỉ	Vốn điều lệ	LICOGI 13 cam kết góp vốn	
				Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP LICOGI 13 - Nền móng Xây dựng (LICOGI 13 – FC)	Tòa nhà LICOGI 13, đường Khuất Duy Tiên, TX, HN	105.000.000.000	53.550.000.000	51
2	Công ty CP LICOGI 13 – Cơ giới hạ tầng (LICOGI 13 – IMC)	Tầng 1, Đơn nguyên B, Tòa nhà LICOGI 13, đường Khuất Duy Tiên, TX, HN	33.200.000.000	20.842.000.000	62,8

TT	Đơn vị	Địa chỉ	Vốn điều lệ	LICOGI 13 cam kết góp vốn	
				Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
3	Công ty CP LICOGI 13 - Vật liệu Xây dựng (LICOGI 13 – CMC)	Tầng 1, Đơn nguyên A, Tòa nhà LICOGI 13, Khuất Duy Tiến, TX, HN	34.539.400.000	21.292.220.000	61,65
4	Công ty CP Đầu tư Nông nghiệp Sài Gòn Thành Đạt	21 Trần Phú, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Đà Nẵng.	60.000.000.000	32.100.000.000	53,5
5	Công ty CP Địa ốc Xanh Sài Gòn Thuận Phước	07 Đặng Tử Kính, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Đà Nẵng.	50.000.000.000	40.000.000.000	80
6	Công ty CP LICOGI13 Đầu tư XD và hạ tầng	Đường số 2, khu số 4 phường An Phú, Quận 2, TP Hồ Chí Minh	20.000.000.000	15.000.000.000	75
7	Công ty TNHH MTV Trường TC nghề công trình 1	Thôn Dương Nội, xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	10.400.000.000	10.400.000.000	100
8	Công ty CP Sông Nhiệm 3	Xã Niêm Sơn, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang	165.000.000.000	105.600.000.000	64
9	Công ty CP năng lượng dầu khí toàn cầu	66 đường Nguyễn Trãi, Tổ 9, Phường Quyết Thắng, TP Sơn La, Tỉnh Sơn La	300.000.000.000	261.300.000.000	87,1
10	Công ty CP năng lượng tái tạo LICOGI13	Tầng 4, Tòa nhà LICOGI13, Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, HN	75.000.000.000	30.000.000.000	40
11	Công ty TNHH Trung Chính	Khu 5 (KĐT mới Tây Ka Long), phường KaLong, TP Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	70.000.000.000	21.000.000.000	30

TT	Đơn vị	Địa chỉ	Vốn điều lệ	LICOGI 13 cam kết góp vốn	
				Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
12	Công ty CP công nghệ và vật liệu chuyên dụng LICOGI13	Tòa nhà LICOGI13, đường Khuất Duy Tiến, NC, T.Xuân, Hà Nội	13.968.000.000	2.721.360.000	19,5
13	Công ty CP MELIG13		30.000.000.000	15.300.000.000	51
14	Công ty CP Hà Thái Vina Thái Bình	Số nhà 14, đường Bùi Viện, thị trấn Tiên Hải, huyện Tiên Hải, Thái Bình	20.000.000.000	9.800.000.000	49
15	Công ty TNHH MTV điện mặt trời LICOGI13	Thôn Nhĩ Hạ, xã Gio Hải, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	350.000.000.000	350.000.000.000	100

4. Định hướng phát triển

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2020:

a) Các chỉ tiêu chính:

- Doanh thu hợp nhất tối thiểu: **1.660 tỷ đồng.**
- Lợi nhuận hợp nhất trước thuế: **28,60 tỷ đồng.**

b) Các chương trình, mục tiêu về SXKD và đầu tư:

Về xây lắp: Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động xây lắp bằng các phương án tổ chức thực hiện tối ưu đối với từng loại công trình/dự án; xây dựng hệ thống và qui trình quản lý xây lắp đối với một nhà thầu chuyên nghiệp, phát huy mô hình tổng thầu xây lắp cùng với các giải pháp kiểm soát và phòng ngừa rủi ro trước, trong và sau quá trình thực hiện hợp đồng.

Về đầu tư: Triển khai các dự án đầu tư, cụ thể:

* Dự án Bất động sản

- Dự án Cầu Hưng Lai Nghi (Quảng Nam)

+ Giai đoạn 1: Xác định doanh thu, cấp sổ đỏ cho khách hàng; Quyết toán dự án đầu tư giai đoạn 1.

+ Giai đoạn 2: Hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng với diện tích 44,67ha; Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu để triển khai thi công các hạng mục của dự án; Mục tiêu khởi công giai đoạn 2 của dự án trong quý II/2020

+ Giai đoạn 3: Hoàn thiện điều chỉnh qui hoạch để có được chủ trương và phê duyệt của UBND tỉnh Quảng Nam.

- Dự án Nhà ở xã hội KCN Hòa Khánh:

+ Ghi nhận doanh thu và hoàn thành công tác bàn giao các căn hộ bán xã hội còn lại; Hoàn thiện công tác quyết toán với các Nhà thầu và tiến hành kiểm toán công trình đối với 02 Block B1&B1A gồm 448 căn hộ nhà ở xã hội và 12 kiot cho thuê.

+ Đẩy mạnh công tác bán hàng và ký hợp đồng; tiến hành thi công hoàn thiện, ghi nhận doanh thu, bàn giao nhà trong năm 2020 đối với 01 Block B3 thương mại với qui mô 15 tầng nổi, 1 tầng hầm với tổng diện tích 13.695m².

+ Đẩy mạnh công tác bán hàng; tiến hành thi công hoàn thiện cơ bản công trình đối với 02 block E (E3,E4) cao 12 tầng với tổng diện tích sàn 34.460m².

+ Đẩy nhanh công tác hoàn thiện hạ tầng ngoài nhà giai đoạn 2 tạo cảnh quan để thuận lợi cho công tác bán các căn hộ thương mại tầng 1.

- **Dự án Khu đô thị hồ Suối Cam (Đồng Xoài - Bình Phước):** LICOGI13 tham gia liên danh với các nhà thầu Phúc An Khang Bình Phước – Trung Chính để đồng chủ đầu tư theo Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 25/2/2019 và đã được UBND tỉnh Bình Phước ký hợp đồng thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất ngày 10/6/2019. Dự án đã tổ chức khởi công ngày 27/11/2019.

- **Dự án Khu du lịch cao cấp Trà Cỏ:** Mục tiêu 2020: Hoàn thiện mặt ngoài khu Shophouse, thực hiện thi công 40% khu biệt thự; hoàn thiện 70% hạ tầng và cảnh quan dự án; tiêu thụ được 100% sản phẩm shophouse, 50% sản phẩm khu biệt thự.

- **Một số dự án bất động sản khác:** Phấn đấu khởi công 1-2 dự án BĐS tại Thái Bình, Ninh Bình vào Quý 4/2020.

*** Đối với các Dự án năng lượng, công nghiệp:**

- **Nhà máy điện mặt trời LIG Quảng Trị:** Hoàn thành công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Chuyển giao Chủ đầu tư từ LICOGI13 sang Công ty TNHH MTV Điện Mặt trời LICOGI13.

- Mục tiêu năm 2020 khởi công xây dựng 01 dự án điện gió; 01 dự án khu công nghiệp.

- **Dự án Sông Nhiệm 3:** Khẩn trương thi công đảm bảo mục tiêu vận hành phát điện tổ máy số 1 trong tháng 3/2021 và tổ máy số 2 trong tháng 4/2021.

- **Dự án Nậm Pàn 5:** Chuẩn bị các điều kiện triển khai thi công trong Quý IV/2020.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Trong vòng 3 đến 5 năm mức vốn hóa thị trường của công ty đạt khoảng 70 triệu USD với giá cổ phiếu đạt 0,7 USD/1 cổ phiếu.

- Kiên định mục tiêu chuyển đổi cơ cấu ngành nghề của Công ty dựa trên 3 trụ cột để đảm bảo sự hài hòa, bền vững giữa hiệu quả hàng năm (*ngắn hạn*), 3-5 năm (*trung hạn*) và trên 5 năm (*dài hạn*), bao gồm **xây dựng, bất động sản, công nghiệp và hạ tầng**. Các nền tảng cơ bản của cả 3 trụ cột đã được thiết lập với các mục tiêu dần được hiện thực hóa.

- Lĩnh vực xây dựng: *Đủ năng lực nhận thầu EPC; Doanh thu xây lắp bình quân 1.800 tỷ đồng/năm;*

- Lĩnh vực bất động sản: *Doanh thu bất động sản bình quân 200 tỷ đồng/năm;*

- Lĩnh vực công nghiệp và hạ tầng: Đưa vào khai thác, vận hành tối thiểu 02 nhà máy thủy điện nhỏ, 02 nhà máy năng lượng tái tạo khác, 01 khu công nghiệp.

- Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận: 8 - 10%/năm;

- Thu nhập bình quân của người lao động tăng trưởng: 3% - 5%/năm;

- Thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp thường xuyên và nâng cao chất lượng hoạt động M&A.

- Xây dựng, thực hiện hệ thống quản trị phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế, phù hợp với văn hóa Việt Nam.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

- Mỗi năm giảm 1% chi phí năng lượng dựa trên chỉ số chi phí năng lượng/doanh thu từng lĩnh vực hoạt động.

- Không để xảy ra các vi phạm về môi trường trong phạm vi toàn hệ thống.

- Tại các địa bàn Công ty có triển khai các công trình dự án: Tham gia thường xuyên các chương trình từ thiện, tình nguyện vì cộng đồng; Tăng tỷ lệ sử dụng lao động địa phương.

5. Các rủi ro:

• **Rủi ro luật pháp:** Là công ty đại chúng và niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, sản xuất công nghiệp, đầu tư bất động sản, năng lượng... hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản luật: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư và các luật liên quan đến lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Công ty như: Luật Xây dựng, Luật Đất đai, Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh Bất động sản ... cùng với đó là rất nhiều các văn bản dưới luật. Nền kinh tế Việt Nam đang ở giai đoạn phát triển nhanh, do đó hệ thống chính sách pháp luật liên tục phải sửa đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu phát triển và phù hợp với thực tiễn. Thực trạng chông chéo, mâu thuẫn giữa các quy định của các Luật, qui định không rõ ràng trong một số qui phạm điều chỉnh sẽ tạo hệ quả tiêu cực ảnh hưởng tới DN. Mọi hoạt động của DN trong quá trình đầu tư, kinh doanh đều chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Do vậy, khi hệ thống pháp luật không thống nhất, DN sẽ bị giằng co trong việc thực hiện nghĩa vụ tuân thủ pháp luật theo hướng đáp ứng đúng quy định của luật này thì lại không đúng với quy định của luật khác, kết quả là DN phải đối mặt với rủi ro nguy cơ vi phạm pháp luật rất cao.. Bên cạnh đó, DN phải thực hiện nhiều thủ tục hành chính trùng lặp, thời gian xử lý thủ tục hành chính kéo dài... dẫn tới tạo gánh nặng về mặt chi phí, tốn kém thời gian, thậm chí lỡ nhịp thời cơ đầu tư kinh doanh.

• **Rủi ro lạm phát:** Lạm phát năm 2019 được kiểm chế, ở mức thấp nhất trong vòng 3 năm qua, tuy nhiên năm 2020 là năm có nhiều biến động do giá cả thực phẩm tăng cao, mất việc làm, tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp và kéo dài làm cho giao dịch bất động sản và hàng loạt dịch vụ bị đóng băng, ảnh hưởng trực tiếp đến toàn bộ nền kinh tế - xã hội của đất nước dẫn đến áp lực lạm phát, trong đó DN cũng phải chịu ảnh hưởng nặng nề...

• **Rủi ro về lãi suất:** Trong năm 2019, lãi suất cho vay ổn định. Tuy nhiên Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Doanh nghiệp quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

• Rủi ro đặc thù ngành:

- **Rủi ro về thanh toán:** Trong lĩnh vực Xây dựng – Bất động sản đòi hỏi vốn lớn, chu kỳ kinh doanh kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần do đó các công ty trong ngành phải duy trì hệ số nợ cao và thời gian thanh toán kéo dài. Việc thực thi các chế tài đối với các hành vi vi phạm các điều khoản về thanh toán hợp đồng chưa đủ mạnh nên yếu tố này ảnh hưởng lớn đến hiệu quả cũng như các kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.

- **Rủi ro về cạnh tranh:** Việt Nam đang hội nhập ngày càng sâu rộng vào kinh tế thế giới. Một trong các thách thức lớn nhất mà các doanh nghiệp Việt Nam phải đối mặt là việc phải cạnh tranh với các đối thủ mang tầm quốc tế có quy mô và hệ thống quản trị mạnh hơn rất nhiều. Nếu không có các chiến lược quản trị, phát triển nguồn lực phù hợp thì các doanh nghiệp Việt Nam khó có thể thắng trong các “cuộc chiến” không cân sức với các đối thủ mang tầm quốc tế.

• Rủi ro từ môi trường:

Mặc dù các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không chịu tác động trực tiếp từ rủi ro về môi trường như các ngành nghề sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ... Tuy nhiên rủi ro từ môi trường có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh thể hiện qua các mặt: thiếu hụt tài nguyên, gia tăng chi phí sử dụng tài nguyên, thiên tai có thể ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ, chất lượng, chi phí đầu tư xây dựng các công trình.

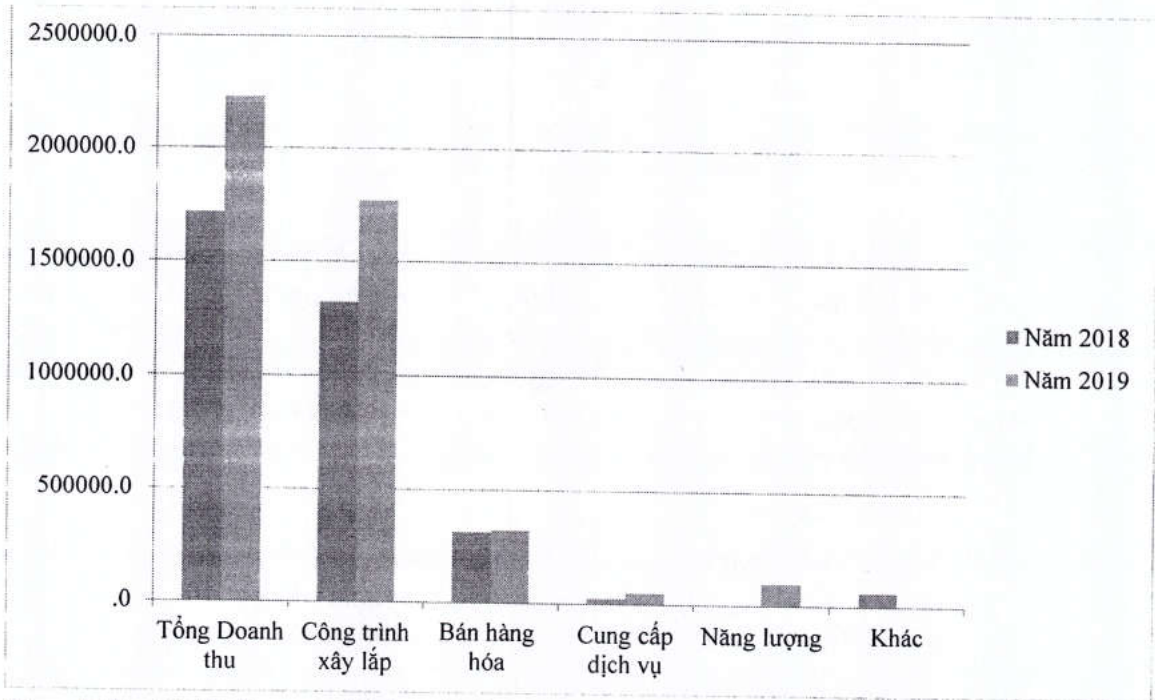
II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) **Doanh thu hợp nhất: 2.228.795 triệu đồng bằng 120% kế hoạch năm.** Doanh thu theo lĩnh vực hoạt động của Công ty như sau:

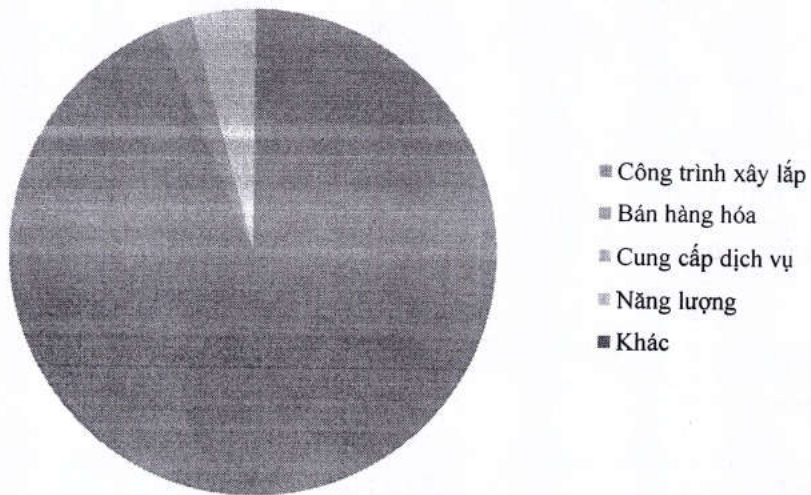
Lĩnh vực	Năm 2018		Năm 2019	
	Giá trị (Tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tr. Đ)	Tỷ trọng (%)
Công trình xây lắp	1.323.044	77,18	1.764.703	79,18
Bán hàng hóa	310.493	18,11	318.595	14,29
Cung cấp dịch vụ	22.702	1,32	50.043	2,25
Năng lượng	0	0	95.454	4,28
Khác	58.029	3,39	0	0
Tổng Doanh thu	1.714.268	100	2.228.795	100

Biểu đồ doanh thu năm 2018 – 2019 theo từng lĩnh vực hoạt động:



Doanh thu 2019 tăng so với doanh thu năm 2018 do doanh thu xây lắp, doanh thu cung cấp dịch vụ tăng và phát sinh doanh thu sx công nghiệp (năng lượng).

**Tỷ trọng doanh thu các lĩnh vực
Năm 2019**

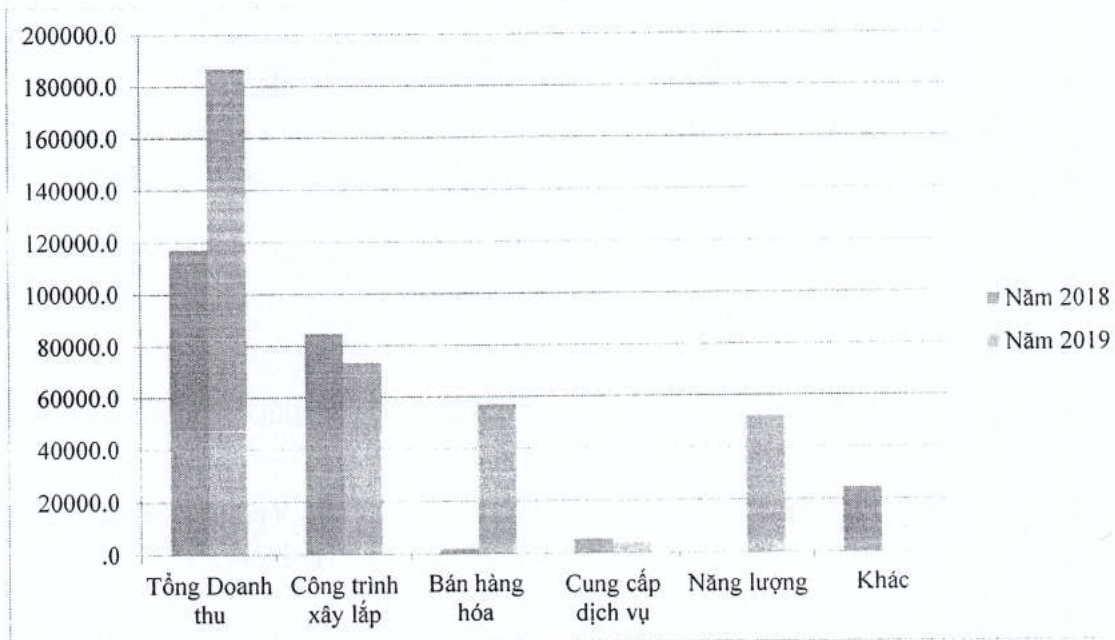


b) Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 31.887 triệu đồng đạt 60,35% kế hoạch năm.
Lợi nhuận gộp từng lĩnh vực hoạt động của Công ty như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

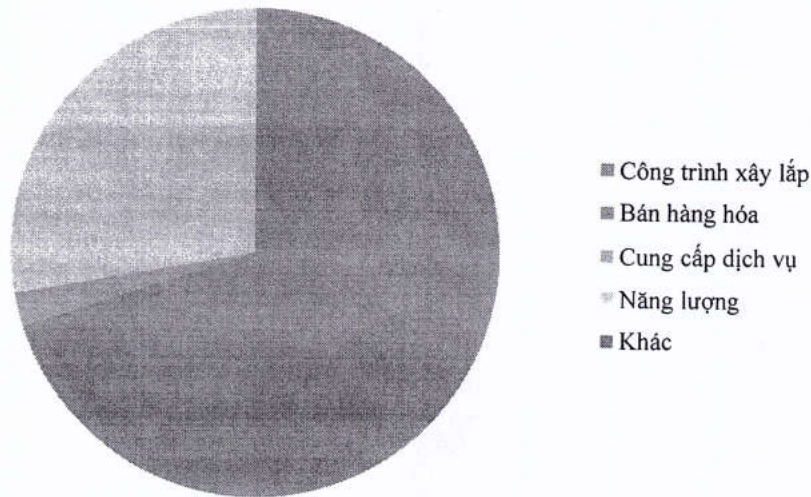
Lĩnh vực hoạt động	Năm 2018		Năm 2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Công trình xây lắp	84.854	72,50	73.504	39,38
Bán hàng hóa SP	1.981	1,69	57.001	30,54
Cung cấp dịch vụ	5.540	4,73	4.136	2,22
Năng lượng	0	0	52.016	27,87
Khác	24.667	21,08		
Tổng lợi nhuận gộp	117.042	100	186.657	100

Biểu đồ lợi nhuận gộp các lĩnh vực hoạt động của Công ty năm 2018-2019



Năm 2019, lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng tăng, phát sinh lợi nhuận gộp hoạt động sản xuất công nghiệp (năng lượng) nhưng lợi nhuận gộp từ hoạt động xây lắp, hoạt động cung cấp dịch vụ giảm.

Tỷ trọng lợi nhuận gộp các lĩnh vực Năm 2019



2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành:



Ông Phạm Văn Thăng Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh: 12/08/1977
- Nơi sinh: Gia Vượng – Gia Viễn – Ninh Bình
- CMND: 012928363, cấp ngày 19/04/2008 tại CA.Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Phường Phúc Thành – Thị xã Ninh Bình – Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú: Số 29 ngõ 93 Phố Vũ Hữu – Phường TX Bắc – Q. Thanh Xuân – Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế giao thông
- Số CP nắm giữ và được ủy quyền: 2.481.631 CP tương ứng 5,69 % VDL
 - o Đại diện sở hữu: 0
 - o Cá nhân sở hữu: 2.481.631 CP tương ứng 5,66 % VDL



Bà Nguyễn Thanh Tú Chức vụ: **Thành viên HĐQT- Phó TGD**

- Ngày tháng năm sinh: 10/02/1980
- Nơi sinh: Hà Nội
- CMND: 01180006389, do cục CS QLHC TTXH cấp ngày 01/6/2015

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Văn Khê – Hoài Đức – Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: C9B-P202, Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Số CP nắm giữ và được ủy quyền: 257.202 CP tương ứng 0,59% VDL
 - o Đại diện sở hữu: Không
 - o Cá nhân sở hữu: 257.202 CP tương ứng 0,59% VDL



Ông Trần Quang Huy

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 17/08/1972
- Nơi sinh: Thanh Lưu – Thanh Liêm – Hà Nam
- CMND: 012532531, cấp ngày 07/11/2013 tại CA.Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh Lưu – Thanh Liêm – Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: C44-TT14 Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi
- Số CP nắm giữ và được ủy quyền: Không
 - o Đại diện sở hữu: Không
 - o Cá nhân sở hữu: Không

❖ **Ông Đỗ Thanh Hà**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 27/10/1973
- Nơi sinh: Hải Phòng
- CMND: 030073002922 do Cục cảnh sát đăng ký QLĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 06/6/2017
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vĩnh Tiến – Vĩnh Bảo – Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: Căn hộ 1401 ĐNA – Chung cư LICOGI13, P.Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng

- Số CP nắm giữ và được ủy quyền: 642.232 CP tương ứng 1,47 % VDL

- o Đại diện sở hữu: Không
- o Cá nhân sở hữu: 642.232 tương ứng 1,47 % VDL

*** Ông Lê Xuân Thành :** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 27/5/1979
- Nơi sinh: Thanh Hóa
- CMND: 013101490 do CA Hà Nội cấp 10/9/2010
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hoàng Sơn – Hoàng Hóa – Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: Căn hộ B2914 – Golden Palace – Phường Mỹ Trì – Quận Nam Từ Liêm – Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ điện tử viễn thông
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: Không
 - o Đại diện sở hữu: Không
 - o Cá nhân sở hữu: Không

❖ Bà Nguyễn Thị Thơm Chức vụ: Kế toán trưởng

- Ngày tháng năm sinh: 22/11/1964
- Nơi sinh: Lào Cai
- CMND: 012919477 CA Hà Nội cấp ngày 14/12/2006
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Quang Trung – Huyện Vụ Bản – Tỉnh Nam Định
- Địa chỉ thường trú: số 24 hẻm 58/3/16 phố Trần Bình – P. Mai Dịch – Q. Cầu Giấy – Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 95.749 CP tương ứng 0,22% VDL
 - o Đại diện sở hữu: 0
 - o Cá nhân sở hữu: 95.749 CP tương ứng 0,22% VDL

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành: Không

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên; Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 là 599 người, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Tiêu chí	Số CBNV	Tỷ trọng (%)
Phân theo trình độ		
Đại học, trên đại học	376	62,77
Cao đẳng	52	8,68
Công nhân kỹ thuật	113	18,86
Trình độ khác	58	9,68
Tổng cộng	599	100

LICOGI 13 luôn coi con người là tài sản quý nhất của Công ty. Các chính sách chế độ của người lao động luôn được LICOGI 13 đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư vào các Dự án lớn:

- Dự án Cầu Hưng - Lai Nghi;
- Dự án Nhà ở XH KCN Hòa Khánh;
- Dự án Nhà máy điện mặt trời LIG – Quảng Trị;
- Dự án khu du lịch cao cấp Trà Cổ;
- Dự án Thủy điện Sông Nhiệm 3;
- Dự án thủy điện Nậm Pàn 5.

b) Các khoản đầu tư vào Công ty con/ liên kết:

- Đầu tư vốn vào Công ty cổ phần Sông Nhiệm 3; Công ty CP Năng lượng tái tạo LICOGI13; Công ty CP Năng lượng Dầu khí toàn cầu; Công ty TNHH Trung Chính.

Tóm tắt kết quả SXKD của các công ty con:

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	LICOGI 13 - FC	LICOGI13 - CMC	LICOGI13 - IMC	SÀI GÒN - THÀNH ĐẠT	SÀI GÒN - THUẬN PHƯỚC	LICOGI13- ICI	TRƯỜNG TCN CT1
Tổng tài sản	1.039.860	116.648	205.459	442.566	315.577	87.126	9.933
Vốn CSH (*)	133.023	34.214	38.445	52.234	49.836	17.739	3.656
Doanh thu thuần	1.190.622	27.955	269.769	2.319	67.055	8.237	3.795
Lợi nhuận sau thuế	15.139	-3.751	1.870	-2.219	1.015	0	-3.127

4. Tình hình tài chính hợp nhất hệ thống LICOGI13:

a) Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng, giảm
Tổng tài sản	3.433.660	4.070.599	+ 18,6%
Doanh thu thuần	1.714.269	2.228.770	+ 30%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	27.683	31.996	+ 15,6%
Lợi nhuận khác	10.223	-109	-107%
Lợi nhuận trước thuế	37.906	31.887	-15,9%
Lợi nhuận sau thuế	27.386	22.951	-16,19%
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%/mệnh giá)	5%	0	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,05	1,12	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,79	0,88	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,84	0,86	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	5,12	6,02	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bq	3,06	3,85	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,50	0,55	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận ST/DT thuần	0,0159	0,0102	
+ Hệ số Lợi nhuận ST/Vốn CSH	0,049	0,039	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng TS	0,008	0,006	
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/DT thuần	0,016	0,014	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Tỷ lệ (%)
I	Cổ phiếu phổ thông	43.598.032	100
1	Không hạn chế chuyển nhượng	43.598.032	100
2	Hạn chế chuyển nhượng	0	0

b) Cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ):

TT	Cổ đông	SLCP sở hữu	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông lớn (Sở hữu >5% VDL)	9.549.204	21,9
1	Tổng công ty LICOGI - CTCP	2.717.573	6,23
2	Phạm Văn Thăng	2.481.631	5,69
3	Lê Thị Quyên	2.173.000	5,00
4	Vũ Thị Kim Anh	2.177.000	5,00
II	Cổ đông nhỏ (Sở hữu <5% VDL)	33.184.920	76,12
III	Cổ phiếu quỹ	863.908	1,98
Tổng cộng		43.598.032	100

- Cơ cấu cổ đông phân loại theo cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài

TT	Cổ đông	SLCP sở hữu	Tỷ lệ (%) VDL
I	Cổ đông là tổ chức	5.395.584	10,22
1	Trong nước	4.455.823	10,22
2	Nước ngoài	0	0
II	Cổ đông là cá nhân	37.338.540	87,70
1	Trong nước	38.275.397	87,79
2	Nước ngoài	2.904	0,01
III	Cổ phiếu quỹ	863.908	1,98
Tổng		43.598.032	100

Ghi chú: Số liệu cổ phần của cổ đông do TTLKCK chốt tại ngày 31.12.2019.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

TT	Loại vật liệu	ĐVT	Giá trị
1	Thép các loại	Triệu đồng	139.460
2	Xi măng	Triệu đồng	18.601
3	Bê tông	Triệu đồng	113.893
4	Đá, gạch, bột đá	Triệu đồng	11.960

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Các vật liệu của Công ty sử dụng một lần không tái chế.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Xăng, dầu, điện.

TT	Loại nhiên liệu – năng lượng	ĐVT	Giá trị
1	Xăng - Dầu	Triệu đồng	11.745
2	Điện	Triệu đồng	8.358
3	Nước	Triệu đồng	849

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Chưa có biện pháp đo đếm.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: nguồn nước sinh hoạt và nguồn nước tự nhiên khác; lượng nước sử dụng 56.823 m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Sử dụng một lần không tái chế.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số lượng lao động (xem mục 2.3 phần II của báo cáo)

- Mức lương trung bình: 9,9 triệu đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Công ty luôn quan tâm tới việc thực hiện chế độ đối với người lao động: đảm bảo 100% người lao động có việc làm; thực hiện đúng quy định về các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp; công tác tiền lương đã liên tục điều chỉnh hằng năm phù hợp với lộ trình tăng lương của Chính phủ.

- Thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống CBCNV cả về vật chất và tinh thần. Các chế độ chính sách cho người lao động (*lương, thưởng, phúc lợi...*) được quan tâm, thực hiện tốt và có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật; đặc biệt, đối với CBCNV làm việc tại các công trình/dự án trọng điểm, vùng sâu, vùng xa luôn được tạo điều kiện tốt nhất về sinh hoạt ăn, ở, hỗ trợ đi lại và tiền lương được hưởng có thêm phụ cấp khu vực.

Thời gian làm việc: Công ty cổ phần Licogi 13 tổ chức làm việc 8h/ngày, 5,5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h. Thực hiện nghỉ chiều thứ 7, ngày chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đầy ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian làm việc không đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép trong năm. Người lao động được nghỉ lễ, tết theo quy định của Luật lao động.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 06 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm 06 tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là nắm bắt các yêu cầu về kỹ năng tác nghiệp, kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn đảm bảo yêu cầu về chuyên môn của Công ty. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đào tạo nhân viên mới: sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp, quy trình và kỹ năng thực hiện công việc.

- Đào tạo thường xuyên: Căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khoá huấn luyện.v.v... Kết quả sau mỗi khoá học được báo cáo đầy đủ ngay để Công ty đánh giá hiệu quả của các phương pháp và hình thức đào tạo.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty Cổ phần LICOGI 13 luôn chú trọng thực hiện trách nhiệm với cộng đồng địa phương tại địa bàn Công ty có trụ sở làm việc và tại các địa bàn Công ty triển khai các công trình, dự án. Công ty luôn đóng góp, tài trợ kinh phí cho địa phương để ủng hộ người nghèo, người khuyết tật, các phong trào từ thiện, tình nguyện tại địa phương ...

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Doanh thu hợp nhất đạt **2.228.795 triệu đồng** hoàn thành **120 %** so với kế hoạch năm.

- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt **31.887 triệu đồng** hoàn thành **60,35%** so với kế hoạch đề ra.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: Công ty tiếp tục thực hiện chuyển dịch cơ cấu sản xuất kinh doanh hướng đến hoạt động đầu tư. Đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh mới phù hợp với xu thế phát triển của xã hội như đầu tư năng lượng sạch, sản xuất vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường... Năm 2019, việc hoàn thành và đưa vào vận hành khai thác dự án Nhà máy điện mặt trời LIG Quảng Trị tại huyện Gio Linh tỉnh Quảng Trị trong thời gian 8 tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đầu tư đã cho thấy sự năng động, nhạy bén, kịp thời nắm bắt các cơ hội kinh doanh của Ban lãnh đạo Công ty cũng như sự quyết liệt, linh hoạt và đồng bộ trong triển khai thi công xây dựng dự án đồng thời với việc nhanh chóng hoàn tất các thủ tục đầu tư. Kết quả kinh doanh của dự án sau 10 tháng vận hành cho thấy hiệu quả kinh tế cao của ngành sản xuất năng lượng sạch, là động lực để Công ty tiếp tục đầu tư vào lĩnh vực mới nhiều tiềm năng này.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản: Tình hình biến động tài sản:

DVT: Triệu đồng

Tài sản	Số cuối năm	Số đầu năm	Biến động (cuối năm - đầu năm)	
			Giá trị	Tỷ lệ % (GT/số đầu năm)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.104.418	2.454.859	(350.441)	(14)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	34.375	52.713	(18.338)	(34,79)
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.560.525	1.762.931	(202.406)	(11,48)
III. Hàng tồn kho	450.571	609.196	(158.625)	(26,04)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	58.948	30.019	28.929	96,37
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	1.966.181	978.801	987.380	101
I. Các khoản phải thu dài hạn	100.211	137.716	(37.505)	(27,23)
II. Tài sản cố định	1.202.060	227.983	974.077	427,26

Tài sản	Số cuối năm	Số đầu năm	Biến động (cuối năm - đầu năm)	
			Giá trị	Tỷ lệ % (GT/số đầu năm)
III. Bất động sản đầu tư	30.659		30.659	
III. Tài sản dở dang dài hạn	392.165	415.133	(22.968)	(5,53)
IV. Các khoản đầu tư TC dài hạn	211.512	164.095	47.417	28,9
V. Tài sản dài hạn khác	29.575	33.874	(4.299)	(12,69)
TỔNG TÀI SẢN	4.070.599	3.433.660	636.939	19

b) **Tình hình nợ phải trả:** Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

DVT: Triệu đồng

Tài sản	Số cuối năm	Số đầu năm	Biến động (cuối năm - đầu năm)	
			Giá trị	Tỷ lệ % (GT/số đầu năm)
C. NỢ PHẢI TRẢ	3.490.643	2.872.808	617.835	22
I. Nợ ngắn hạn	1.873.482	2.351.038	(477.556)	(20)
1. Phải trả người bán ngắn hạn	578.747	754.070	(175.323)	(22,25)
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	161.565	277.109	(115.544)	(41,70)
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	24.596	24.848	(252)	(1,01)
4. Phải trả người lao động	66.646	103.891	(37.245)	(35,85)
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	97.116	59.453	37.663	63,35
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		29		
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	3.854	1.499	2.355	157,15
8. Phải trả ngắn hạn khác	34.474	256.693	(222.219)	(86,57)
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	903.171	868.374	34.797	4,01
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.713	3.613	(1.900)	(52,58)
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.600	1.459	141	9,63
II. Nợ dài hạn	1.617.161	521.771	1.095.391	210
1. Phải trả dài hạn người bán	77.222	68.813	8.409	12,22

Tài sản	Số cuối năm	Số đầu năm	Biến động (cuối năm - đầu năm)	
			Giá trị	Tỷ lệ % (GT/số đầu năm)
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	16.191	25.804	(9.613)	(37,25)
3. Phải trả dài hạn khác	584.584	115.921	468.663	404.29
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	936.188	311.232	624.956	200,8
5. Dự phòng phải trả dài hạn	2.977	0	2.977	100

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Chính sách, quản lý: Rà soát các quy chế quản lý của Công ty để sửa đổi theo hướng thiết thực, hiệu quả, đề cao tính tự chủ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, khích lệ tư duy liên kết, chia sẻ và hợp tác sự phát triển bền vững của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Trong vòng 3 đến 5 năm mức vốn hóa thị trường của công ty đạt khoảng 70 triệu USD với giá cổ phiếu đạt 0,7 USD/1 cổ phiếu.

- Tiếp tục khai thác thị trường mới, mở rộng đầu tư vào các lĩnh vực SXKD có tiềm năng và thế mạnh như năng lượng sạch, đầu tư bất động sản, phát triển nhà ở, khu công nghiệp...

- Nâng cao năng lực đấu thầu, tìm kiếm thị trường, phát huy vai trò tổng thầu xây lắp, tập trung khai thác các dự án/ công trình có nguồn vốn tốt.

- Thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp thường xuyên và nâng cao chất lượng hoạt động M&A.

- Chuyển đổi mô hình Công ty thành tập đoàn kinh tế đa ngành.

- Xây dựng, thực hiện hệ thống quản trị phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế, phù hợp với văn hóa Việt Nam.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có. Ý kiến kiểm toán là ý kiến chấp nhận toàn phần.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Mọi hoạt động của Công ty đều đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường. Tại tất cả các cấp đều có ý thức tiết kiệm nguyên, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty đều đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật đối với người lao động. Trong mọi hoạt động Công ty đều chú trọng xem xét lợi ích người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty chú trọng thực hiện trách nhiệm với cộng đồng địa phương tại địa bàn Công

ty có trụ sở làm việc và tại các địa bàn Công ty triển khai các công trình, dự án. Công ty luôn đóng góp, tài trợ kinh phí cho địa phương để ủng hộ người nghèo, người khuyết tật, các phong trào từ thiện, tình nguyện tại địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Doanh thu hợp nhất đạt **2.228.795 triệu đồng** hoàn thành **120%** kế hoạch năm.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt **31.887 triệu đồng** hoàn thành **60,35%** kế hoạch năm.

Hội đồng quản trị Công ty đã thay đổi cách thức tư duy và phương thức hoạt động để phù hợp với sự phát triển trong tình hình mới. Theo đó, chú trọng vào hai chức năng chủ đạo là tạo lập môi trường hoạt động bên trong doanh nghiệp và hoạch định chiến lược. Ba chức năng còn lại bao gồm: quản lý, giám sát và hỗ trợ chuyển hướng sang “theo mục tiêu” và “vi mục tiêu”

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- Mọi hoạt động của Công ty đều đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường. Tại tất cả các cấp đều có ý thức tiết kiệm nguyên, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng.
- Công ty chú trọng thực hiện trách nhiệm với cộng đồng địa phương tại địa bàn Công ty có trụ sở làm việc và tại các địa bàn Công ty triển khai các công trình, dự án. Công ty luôn đóng góp, tài trợ kinh phí cho địa phương để ủng hộ người nghèo, người khuyết tật, các phong trào từ thiện, tình nguyện tại địa phương.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

- Ban Tổng giám đốc chủ động xây dựng các phương án SXKD, đầu tư, linh hoạt và nhạy bén trong tổ chức, điều hành, chủ động điều phối các nguồn lực của hệ thống để đạt hiệu quả cao nhất.

- Về các mục tiêu trung dài hạn, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng chủ trương, định hướng của ĐHCĐ và HĐQT đề ra, các dự án đầu tư quan trọng đều báo cáo trình hội đồng quản trị phê duyệt.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Trong vòng 3 đến 5 năm mức vốn hóa thị trường của công ty đạt khoảng 70 triệu USD với giá cổ phiếu đạt 0,7 USD/1 cổ phiếu.

- Kiên định mục tiêu chuyển đổi cơ cấu ngành nghề của Công ty dựa trên 3 trụ cột để đảm bảo sự hài hòa, bền vững giữa hiệu quả hàng năm (*ngắn hạn*), 3-5 năm (*trung hạn*) và trên 5 năm (*dài hạn*), bao gồm **xây dựng, bất động sản, công nghiệp và hạ tầng**. Các nền tảng cơ bản của cả 3 trụ cột đã được thiết lập với các mục tiêu dần được hiện thực hóa.

- Lĩnh vực xây dựng: *Đủ năng lực nhận thầu EPC; Doanh thu xây lắp bình quân 1.800 tỷ đồng/năm;*

- Lĩnh vực bất động sản: *Doanh thu bất động sản bình quân 200 tỷ đồng/năm;*

- Lĩnh vực công nghiệp và hạ tầng: *Đưa vào khai thác, vận hành tối thiểu 02 nhà máy thủy điện nhỏ, 02 nhà máy năng lượng tái tạo khác, 01 khu công nghiệp.*

- Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận: **8 - 10%/năm;**

- Thu nhập bình quân của người lao động tăng trưởng: **3% - 5%/năm**;
- Xây dựng, thực hiện hệ thống quản trị phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế, phù hợp với văn hóa Việt Nam.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Chức vụ tại các đơn vị khác
1	Bùi Đình Sơn	Chủ tịch	1.887.500	- Chủ tịch HĐQT các Công ty: Cty CP LICOGI 13 - FC; LICOGI 13-IMC; LICOGI 13-TSM;
2	Vũ Tuấn Dương	Ủy viên	577.604	- Chủ tịch HĐQT Công ty CP địa ốc xanh Sài Gòn – Thuận Phước.
3	Nguyễn Văn Hiệp	Ủy viên	601.229	- Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty CP ĐTPH Hà Thành; - Chủ tịch HĐQT Công ty CP VLXD Sông Đáy; Công ty CP Sông Đáy – Hồng Hà; - Ủy viên HĐQT Công ty CP LICOGI 13 – FC.
4	Nguyễn Quốc Hùng	Ủy viên	600.000	- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần chứng khoán Alpha - Ủy viên HĐQT Cty LICOGI 13 – FC
5	Nguyễn Thanh Tú	Ủy viên	257.202	Không

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Tiểu ban truyền thông.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: HĐQT đã họp, xin ý kiến và ra các Nghị quyết, quyết định:

* Các nghị quyết của HĐQT:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2019/NQ-LICOGI13-HĐQT	30/5/2019	-Thông qua kế hoạch kinh doanh và phương án vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn VN – Chi nhánh Sở giao dịch và Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Thanh Xuân để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. - Ủy quyền cho Tổng giám đốc lập phương án gửi Ngân hàng và ký kết các hợp đồng và giấy tờ liên quan.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
2	02/2019/NQ-LICOGI13-HĐQT	31/5/2019	-Về việc: “Góp vốn thực hiện đầu tư dự án: Phát triển du lịch cộng đồng và khai thác tiềm năng phát triển dịch vụ du lịch tại tuyến dẫn lên cầu Bãi Cháy, khu vực đường Đặng Bá Hát và dân cư lân cận”.
3	03/2019/NQ-LICOGI13-HĐQT	20/11/2019	-Về việc: Chuyển nhượng 35% vốn góp của LICOGI13 tại Công ty cổ phần Sông nhiệm 3

*** Các quyết định của HĐQT**

Stt	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-LICOGI13-HĐQT	05/01/2019	V/v thực hiện đầu tư Dự án Khu du lịch Hồ suối cam (giai đoạn 2) tại thị xã Đồng xoài, tỉnh Bình Phước.
2	02/QĐ-LICOGI13-HĐQT	08/01/2019	Giao Tổng giám đốc thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư Dự án điện gió tại tỉnh Quảng Trị.
3	03/QĐ-LICOGI13-HĐQT	23/1/2019	V/v nhận chuyển nhượng sàn văn phòng tầng 5 Tòa nhà trụ sở, văn phòng và căn hộ cao cấp LICOGI13.
4	04/QĐ-LICOGI13-HĐQT	01/4/2019	V/v phê duyệt đầu tư 01 xe 08 chỗ hiệu LEXUS LX570 đã qua sử dụng
5	05/QĐ-LICOGI13-HĐQT	05/4/2019	V/v phê duyệt thiết kế kỹ thuật Dự án Nhà máy điện mặt trời LIG – Quảng Trị.
6	06/QĐ-LICOGI13-HĐQT	10/4/2019	Về việc: Nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty cổ phần địa ốc xanh Sài Gòn Thuận Phước.
7	07/QĐ-LICOGI13-HĐQT	23/4/2019	Về việc: Thông qua chuyển nhượng Dự án Nhà máy điện mặt trời – Quảng Trị.
8	08/QĐ-LICOGI13-HĐQT	10/5/2019	Về việc: Thanh toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019.

Stt	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
9	09/QĐ-LICOGI13-HĐQT	13/5/2019	Về việc: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.
10	10/QĐ-LICOGI13-HĐQT	21/5/2019	Về việc: Điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư công trình thủy điện Sông Nhiệm – Tỉnh Hà Giang.
11	11/QĐ-LICOGI13-HĐQT	05/6/2019	Về việc: Cử người đại diện phần vốn của LICOGI13 tại Công ty cổ phần LICOGI13- Vật liệu Xây dựng (LICOGI13-CMC).
12	12/QĐ-LICOGI13-HĐQT	14/6/2019	Về việc: Cử người đại diện phần vốn của LICOGI13 tại Công ty TNHH MTV Trường trung cấp nghề công trình 1; giữ chức danh chủ tịch Công ty-người đại diện theo pháp luật tại Công ty TNHH MTV Trường trung cấp nghề công trình 1.
13	13/QĐ-LICOGI13-HĐQT	14/6/2019	Về việc: Miễn nhiệm chức danh Giám đốc-người đại diện theo pháp luật tại Công ty TNHH MTV Trường trung cấp nghề công trình 1.
14	14/QĐ-LICOGI13-HĐQT	14/6/2019	Về việc: Bỏ nhiệm kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Trường trung cấp nghề công trình 1.
15	15/QĐ-LICOGI13-HĐQT	20/6/2019	Về việc: Mua thêm cổ phần phát hành thêm của công ty cổ phần địa ốc xanh Sài Gòn Thuận Phước.
16	16/QĐ-LICOGI13-HĐQT	22/7/2019	Về việc: Đầu tư mới 01 xe oto 7 chỗ hiệu Toyota Land cruiser Prado
17	17/QĐ-LICOGI13-HĐQT	04/9/2019	Về việc: Thành lập Công ty cổ phần Điện mặt trời LIG Quảng Trị
18	18/QĐ-LICOGI13-HĐQT	05/9/2019	Về việc: Thành lập Công ty cổ phần MELIG 13
19	19/QĐ-LICOGI13-HĐQT	05/9/2019	Về việc: Thành lập Công ty cổ phần Hà thái Vina Thái Bình
20	20/QĐ-LICOGI13-HĐQT	08/11/2019	Về việc: Thành lập Công ty cổ phần Năng Lượng LIG

Stt	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
21	21/QĐ-LICOGI13-HĐQT	27/12/2019	Về việc: Chi trả cổ tức năm 2018

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

- Các thành viên tiểu ban truyền thông đã được đào tạo các kỹ năng cơ bản về cách đưa tin bài đảm bảo các yếu tố kỹ, mỹ thuật khi đưa tin bài về hoạt động của Công ty.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: *Không có*

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Dương Thị Phượng	Trưởng ban	0	0
2	Đinh Thị Kim Anh	Thành viên	0	0
3	Trần Mạnh Hùng	Thành viên	0	0

Hoạt động của Ban kiểm soát: Trong năm 2019 Ban kiểm soát đã được cung cấp các thông tin để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty

Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ theo qui định của Điều lệ Công ty và theo nội dung mà Đại hội cổ đông giao phó.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng và các khoản lợi ích, thù lao:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Các khoản lương, lợi ích và thù lao
I	Hội đồng quản trị		1.364
1	Bùi Đình Sơn	Chủ tịch	349
2	Vũ Tuấn Dương	Ủy viên	349
3	Nguyễn Văn Hiệp	Ủy viên	143
4	Nguyễn Quốc Hùng	Ủy viên	143
5	Nguyễn Thanh Tú	Ủy viên	380
II	Ban Tổng giám đốc		1.149
1	Phạm Văn Thăng	Tổng giám đốc	331
2	Lê Xuân Thành	Phó TGD	269
3	Đỗ Thanh Hà	Phó TGD	286

TT	Họ và tên	Chức vụ	Các khoản lương, lợi ích và thù lao
4	Trần Quang Huy	Phó TGD	263
III	Ban Kiểm soát		344
1	Dương Thị Phương	Trưởng ban	188
2	Đinh Thị Kim Anh	Thành viên	156
3	Trần Mạnh Hùng	Thành viên	16,5
	Cộng		2.857

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Cổ đông nội bộ Phạm Văn Thăng – Tổng giám đốc mua thêm 300.000 CP từ ngày 20/02/2019-19/3/2019.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: *Danh sách theo phụ lục đính kèm*

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện đúng các quy định về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Ý kiến chấp nhận toàn phần

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Địa chỉ đăng tải Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán của Công ty: <http://licogi13.com.vn>

Hà Nội, ngày 11... tháng 4 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI13 



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Thăng

Phụ lục: Danh mục Hợp đồng mua bán vật tư/ Hợp đồng giao thầu; Hợp đồng vay/cho vay đối với các Công ty con, người có liên quan thực hiện trong năm 2019 (Theo qui định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 về việc công bố thông tin trên TTCK)

STT	Tên công ty/ đối tượng có liên quan	Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng (Bao gồm VAT)
1	Công ty cổ phần LICOGI13 – Nền móng xây dựng	HĐ1161/2018/HĐXL/LIG13-FC gói thầu thi công phần kết cấu thô KS 4 sao trà cổ. Thuộc dự án khu du lịch cao cấp Trà Cổ	47.953.663.852 đ
2	Công ty cổ phần LIOCGI 13- Cơ giới hạ tầng	HĐ 18/HĐKT -LIG Quảng trị vận chuyển cọc, dọn dẹp mặt bằng và thuê máy	5.018.200.000 đ
3	Công ty cổ phần LICOGI 13- Vật liệu xây dựng	HĐ 09/2019/HĐXD gói thầu XL01-2019 thi công xây lắp và hệ thống PCCC công trình Trung tâm thực hành tiền lâm sàng Thuộc dự án đầu tư xây dựng trung tâm thực hành tiền lâm sàng của trường Đại Học Y Dược Thái Bình	15.390.322.149 đ
4	Công ty cổ phần LICOGI13- Đầu tư xây dựng và Hạ Tầng	HĐ TCXD số 89A/2018/HĐKT-LIG/ICI thi công xây dựng đoạn 04 từ Km4+700-Km6+800 gồm cầu An thới và cầu Rạch Bần, Dự án: đầu tư xây dựng cầu Rạch Miếu Quốc Lộ 60, tỉnh Tiền Giang Bến Tre theo hình thức HĐ BOT	26.120.003.000 đ



